PHỤ LỤC
DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 277/2025/NĐ-CP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN trực thuộc được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
1	Xã Tịnh Khê	0	41	2	87	130	Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	355.470.000
2	Phường Cẩm Thành	0	65	3	21	89	Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	453.510.000
3	Phường Trương Quang Trọng	0	45	1	1	47	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 12/8/2026	288.630.000
4	Phường Đức Phổ	0	70	12	5	87	Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 07/8/2026	482.220.000
5	Xã Khánh Cường	0	32	0	0	32	Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 07/8/2026	215.040.000
6	Phường Sa Huỳnh	0	48	6	6	60	Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	337.860.000
7	Xã Bình Minh	0	36	3	3	42	Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	240.800.000
8	Xã Bình Chương	0	26	2	2	30	Quyết định số 829/QĐ-	181.860.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN trực thuộc được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
							UBND ngày 17/8/2026	
9	Xã Bình Sơn	0	110	11	10	131	Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	759.080.000
10	Xã Đông Sơn	0	70	8	6	84	Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	482.070.000
11	Xã Sơn Tịnh	0	40	5	5	50	Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	279.630.000
12	Xã Vệ Giang	0	54	5	15	74	Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	374.060.000
13	Xã Tư Nghĩa	0	93	7	20	120	Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 12/8/2026	601.690.000
14	Xã Nghĩa Giang	0	43	1	128	172	Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	407.170.000
15	Xã Trà Giang	0	35	7	7	49	Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	242.320.000
16	Xã Nghĩa Hành	0	45	2	2	49	Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 10/8/2026	307.500.000
17	Xã Long Phụng	0	62	7	4	73	Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 07/8/2026	438.480.000
18	Xã Mỏ Cày	0	49	13	13	75	Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	365.490.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN trực thuộc được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
19	Xã Mộ Đức	0	54	5	3	62	Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	365.490.000
20	Xã Lân Phong	0	33	9	6	48	Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 10/8/2026	237.810.000
21	Xã Sơn Thuỷ	0	31	291	291	613	Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	1.241.070.000
22	Xã Sơn Tây Thượng	0	41	316	0	357	Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 29/4/2026	835.680.000
23	Xã Sơn Mai	0	24	78	105	207	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	389.630.000
24	Xã Ba Tô	3	31	222	0	256	Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 10/7/2026	1.058.040.000
25	Xã Đặng Thuỳ Trâm	0	28	132	0	160	Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	477.840.000
26	Xã Ba Xa	1	19	160	0	180	Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	666.880.000
27	Đặc khu Lý Sơn	0	75	483	0	558	Quyết định số 671/QĐ-UBND, số 672/QĐ-UBND và số 673/QĐ-UBND ngày 26/5/2026; số 815/QĐ-UBND, số	1.453.680.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN trực thuộc được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
							816/QĐ-UBND và số 817/QĐ-UBND ngày 16/6/2026	
28	Phường Kon Tum	0	70	23	18	111	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 17/8/2026; số 536/QĐ-UBND ngày 20/8/2026	518.680.000
29	Phường Đăk Cấm	0	48	57	19	124	Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	385.400.000
30	Phường Đăk Bla	0	43	8	6	57	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 21/7/2026; số 925/QĐ-UBND ngày 07/8/2026; số 938/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	308.060.000
31	Xã Ngọc Bay	3	136	374	150	663	Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	903.000.000
32	Xã Ia Chim	2	48	2	0	52	Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 29/7/2026	349.420.000
33	Xã Đăk Rơ Wa	0	85	265	196	546	Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 26/8/2026	962.070.000
34	Xã Đăk Mar	2	65	330	352	749	Quyết định số	757.120.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN trực thuộc được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
							592/QĐ(CT)-UBND ngày 14/8/2026	
35	Xã Đăk Tô	0	128	403	161	692	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 29/5/2026; số 181/QĐ-UBND ngày 02/7/2026; số 203/QĐ-UBND ngày 17/7/2026	1.746.900.000
36	Xã Kon Đào	0	68	653	0	721	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	1.884.360.000
37	Xã Ngọc Tụ	2	48	474	0	524	Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 13/5/2026	2.166.062.000
38	Xã Đăk Tờ Kan	2	63	507	507	1079	Quyết định số 280/QĐ-UBND và số 285/QĐ-UBND ngày 09/4/2026	2.031.356.270
39	Xã Tu Mơ Rông	2	2	415	0	419	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 03/5/2026	1.150.240.000
40	Xã Đăk Long	1	38	327	0	366	Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 15/6/2026	1.051.250.000
41	Xã Đăk Môn	2	2	643	643	1290	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 18/8/2026	2.045.634.000
42	Xã Đăk Pek	2	2	629	0	633	Quyết định số 80/QĐ-	1.887.281.920

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN trực thuộc được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
							UBND ngày 09/6/2026	
43	Xã Đăk Plô	3	33	202	0	238	Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 14/4/2026	705.245.000
44	Xã Ngọc Linh	0	37	430	430	897	Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 05/7/2026	1.778.430.005
45	Xã Bờ Y	5	82	301	167	555	Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 02/7/2026	1.612.284.730
46	Xã Sa Loong	2	50	213	38	303	Quyết định số 355/QĐ-UBND và số 356/QĐ-UBND ngày 20/5/2026	1.057.153.280
47	Xã Dục Nông	3	74	261	0	338	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	2.150.401.410
48	Xã Sa Thầy	0	55	203	199	457	Quyết định số 859/QĐ-UBND và số 860/QĐ-UBND ngày 13/8/2026	1.074.810.000
49	Xã Sa Bình	4	73	634	634	1345	Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 21/5/2026; số 666/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	3.120.750.000
50	Xã Ya Ly	3	40	411	411	865	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 17/6/2026	2.200.780.000

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Số cơ sở GDMN trực thuộc được hỗ trợ (Điều 4)	Số CBQL, GV, NV được hỗ trợ (Điều 5)	Số trẻ hỗ trợ tiền ăn trưa (K1 Điều 6)	Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập (K2 Điều 6)	Tổng số đối tượng thụ hưởng	Số, ngày Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của UBND cấp xã (đồng)
51	Xã Mô Rai	3	16	203	203	425	Quyết định số 627/QĐ-UBND và số 628/QĐ-UBND ngày 04/8/2026	1.262.180.000
52	Xã Ia Tơi	0	25	230	0	255	Quyết định số 178/QĐ-UBND và số 179/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	580.560.000
53	Xã Ia Dal	0	5	0	0	5	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	33.600.000
54	Xã Đăk Rve	2	17	277	0	296	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 21/7/2026	1.477.360.390
55	Xã Kon Braih	0	77	1319	0	1396	Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 12/8/2026	2.046.880.000
56	Xã Đăk Kôi	2	38	243	0	283	Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 19/6/2026	1.137.904.900
57	Xã Măng Đen	4	60	385	0	449	Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 16/8/2026	1.467.420.000
58	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	33	1	1	36	Quyết định số 2190/QĐ-SGDĐT ngày 16/9/2026	206.713.200
	TỔNG CỘNG	**54**	**2861**	**12214**	**4875**	**20004**		**53.598.307.105**

Ghi chú:

- Kinh phí tại Phụ lục này là số liệu tổng hợp theo Quyết định phê duyệt đối tượng của UBND cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với Trường Mầm non Thực hành Sư phạm Kon Tum); được sử dụng làm căn cứ theo dõi, quản lý việc thực hiện chính sách. Việc bảo đảm nguồn kinh phí, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Danh sách chi tiết từng đối tượng thụ hưởng được theo dõi tại hồ sơ phê duyệt của UBND cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với Trường Mầm non Thực hành Sư phạm Kon Tum). Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh sách đối tượng thụ hưởng, thực hiện chi trả chính sách và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.